

Số: 4927/BTC-TCĐN

V/v xây dựng dự toán kinh phí
cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2013

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.

phủ đã ban hành Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi. Ngày 11/04/2013 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 41/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ.

Để đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc cấp kinh phí miễn thủy lợi phí cho các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên cơ sở đã được cân đối ngân sách hàng năm theo Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 đồng thời lập dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2013 cho công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi của địa phương theo nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán kinh phí bù miễn thủy lợi phí và chính sách miễn thủy lợi phí năm 2009, 2010, 2011, 2012 theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ (đánh giá những mặt được, những mặt còn tồn tại, những kiến nghị cần hoàn chỉnh, bổ sung...).

2. Xây dựng dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2013:

Căn cứ lập dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí: Dựa trên diện tích tưới, tiêu và cấp nước; biện pháp tưới tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định và mức thu thủy lợi phí quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Về diện tích tưới, tiêu và cấp nước: Căn cứ vào diện tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt năm 2012, dự kiến bổ sung phần diện tích tăng, giảm để xây dựng kế hoạch năm 2013 (chi tiết theo: phần diện tích được tăng thêm của các trạm trại thí nghiệm, nông trường, diện tích tăng thêm do mở rộng diện tích khai hoang phục hóa, xây dựng mới công trình thủy lợi..., giảm diện tích do đất miễn thủy lợi phí chuyển sang khu công nghiệp, khu đô thị... và chi tiết cho các công ty khai thác công trình thủy lợi, trung tâm quản lý

khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước theo phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo công văn này).

Lưu ý: việc xác định diện tích miễn thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ căn cứ vào diện tích đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP chỉ bổ sung phần tăng giảm để trình UBND tỉnh quyết định.

- Về biện pháp tưới tiêu: Căn cứ vào Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố quy định các biện pháp tưới tiêu phù hợp.

- Về mức miễn thủy lợi phí: Tính theo mức thu quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ và thực tế công trình thủy lợi ở địa phương (biện pháp tưới tiêu bằng động lực, tưới tiêu bằng trọng lực, tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực... có thuyết minh giải thích cách tính cho từng mức thu đối với từng biện pháp công trình).

3. Nguồn kinh phí thực hiện cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2013 gồm:

- Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương (trong đó bao gồm nguồn kinh phí đã được bố trí trong dự toán cân đối ngân sách địa phương hàng năm theo Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011);

- Nguồn kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí do ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định.

Việc xác định dự toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí tăng thêm năm 2013 được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa dự toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ và kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí tăng thêm năm 2013:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí miễn thu thủy lợi phí tăng thêm đối với các địa phương nhận bổ sung từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí miễn thu thủy lợi phí tăng thêm đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương dưới 50%.

+ Đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 50% trở lên, kinh phí tăng thêm do ngân sách địa phương đảm bảo.

Đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối năm 2013 từ ngân sách trung ương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập dự toán theo mẫu biểu đính kèm và gửi về Bộ Tài chính để cân đối hỗ trợ theo chương trình mục tiêu cho địa phương.

4. Hồ sơ xây dựng dự toán đề nghị kèm theo các tài liệu sau (đóng thành quyển) :

- Phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong đó bao gồm cả diện tích, biện pháp tưới tiêu, kinh phí .

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc trung ương về diện tích miễn thủy lợi phí năm 2012,2013.

- Quyết định của UBND tỉnh về biện pháp tưới tiêu của các công trình thủy lợi thuộc tỉnh.

- Quyết định của UBND tỉnh ban hành các mức thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh..

Các biểu mẫu số liệu theo phụ lục đính kèm từ phụ lục số 1 đến phụ lục số 4.

Ngoài ra, để có thông tin của tỉnh đề nghị cung cấp thêm một số chỉ tiêu:

- Diện tích đất tự nhiên của tỉnh,

- Diện tích đất nông nghiệp của tỉnh.


- Diện tích đất trồng lúa, trồng màu, nuôi trồng thủy sản

- Diện tích đất thuộc đối tượng miễn thủy lợi phí trên cơ sở chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh các năm 2012, 2013 đã được phê duyệt.

5. Dự toán kinh phí cấp bù do miễn thủy lợi phí năm 2013 của các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương gửi về Bộ Tài chính - Cục Tài chính doanh nghiệp - 28 Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

Thời gian trước ngày 10 tháng 5 năm 2013.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có hướng dẫn cụ thể.

Xin trân trọng sự phối hợp của Quý Ủy ban./. 

Nơi nhận:

- Như trên;

- Bộ NN& PTNT;

- Sở Tài chính các tỉnh, TP;

- Vụ NSNN;

- Lưu: VT, TCDN. (140)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Tổng hợp quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí từ năm 2008-2012
(Kèm theo công văn số ngày tháng năm 2013 của UBND tỉnh, thành phố)

STT	Năm	Dự toán		Quyết toán		Cấp phát (triệu đồng)	Thừa (+) (triệu đồng)	Thiếu (-) (triệu đồng)
		Diện tích (ha)	Thành tiền (triệu đồng)	Diện tích (ha)	Thành tiền (triệu đồng)			
1	2008							
2	2009							
3	2010							
4	2011							
5	2012							
	Tổng cộng	X		X				

* Biểu tổng hợp trên dựa vào Quyết định phê duyệt quyết toán hàng năm của UBND tỉnh, thành phố và số kinh phí đã được Thông báo kinh phí cấp bù do miễn thủy lợi phí hàng năm ,

Ghi chú: Kèm theo Quyết định phê duyệt quyết toán diện tích kinh phí cấp bù thủy lợi phí năm 2008, 2009,2010,2011,2012

Biểu số 02

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. . .

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KTCT THUỶ LỢI CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ NĂM
(Kèm theo công văn số ngày tháng năm 2013 của UBND tỉnh, thành phố)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TH năm 2012	Ước TH Quý I/2013	Dự toán năm 2013
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	Ha (m3)			
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	Ha			
2	Tổng diện tích đất trồng trọt	Ha			
3	Tổng diện tích đất canh tác	Ha			
4	Tổng diện tích miễn thủy lợi phí:	Ha (m3)			
a	Diện tích cấp nước	Ha (m3)			
b	Diện tích tưới nước	Ha (m3)			
c	Diện tích tiêu nước	Ha (m3)			
d	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha (m3)			
e	Diện tích khác. . . .	Ha (m3)			
II	Kế hoạch doanh thu				
1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	tr. đồng			
2	Thu thủy lợi phí của các đối tượng không miễn thuỷ lợi phí	tr. đồng			
3	Thu trợ cấp, trợ giá ...	tr. đồng			
4	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	tr. đồng			
5	Thu khác	tr. đồng			
III	Kế hoạch chi	tr. đồng			
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi	tr. đồng			
2	Trong đó: - Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên - Chi sửa chữa lớn	tr. đồng			
3	Chi cho kinh doanh khai thác tổng hợp	tr. đồng			
4	Chi Khác	tr. đồng			
IV	Cân đối thu chi lãi (lỗ)	tr. đồng			
1	Lãi (lỗ) KTCTTL	tr. đồng			
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	tr. đồng			
V	Chi đầu tư, sửa chữa công trình thủy lợi:	tr. đồng			
1	Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên	tr. đồng			
1,1	Chi sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty	tr. đồng			
1,2	Chi SCL đề nghị ngân sách cấp	tr. đồng			
VI	Kế hoạch ngân sách hỗ trợ	tr. đồng			
1	Nội dung hỗ trợ	tr. đồng			
1,1	Cấp bù do miễn thủy lợi phí	tr. đồng			
1,2	Cấp kinh phí trợ cấp, trợ giá ...	tr. đồng			
1,3	Cấp 02 quý khen thưởng và phúc lợi	tr. đồng			
1,4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	tr. đồng			
1,5	Cấp khoản hỗ trợ khác	tr. đồng			
2	Nguồn hỗ trợ	tr. đồng			
2,1	Ngân sách Trung ương	tr. đồng			
	Trong đó: Đã cân đối theo QĐ số 59/QĐ/2010/TTg	tr. đồng			
2,2	Ngân sách địa phương	tr. đồng			

Ghi chú:

- * Các địa phương có diện tích tăng lên so với năm trước cần có thuyết minh cụ thể đối với từng công trình.
- * Số liệu tổng hợp này phải kèm theo các số liệu chi tiết để giải trình.

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NSNN CẤP BÙ DO MIỄN THU TLP NĂM
 (Kèm theo công văn số ngày tháng năm 2013 của UBND tỉnh, thành phố)

STT	Nội dung	Tổng diện tích miền thu TLP (ha)	Công diện tích lúa	Lúa										Rau, mạ, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, hoa và dược liệu										Nuôi trồng thủy sản	Mức thu lợi phí cấp bù	Tổng số thu lợi phí cấp bù						
				Tưới tiêu bằng đồng lực			Tưới tiêu bằng trong lực			Tưới tiêu bằng trong lực và kết hợp đồng lực				Tưới tiêu khác (thủy triều)		Tưới tiêu bằng đồng lực			Tưới tiêu bằng trong lực			Tưới tiêu bằng kết hợp đồng lực										
				Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn	Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn	Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn	Chu đồng	Tạo nguồn	Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn	Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn	Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn				Chu đồng	Chu đồng 1 phần	Tạo nguồn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
I	Tổng số (trị)																															
	Tổng diện tích miền TLP																															
	- Vụ Đông Xuân																															
II	Tổng TLP miễn thu (trị đ)																															
	- Vụ Đông Xuân																															
	- Vụ Hè Thu																															
III	Công ty Khai thác CTTL (Hoặc Trung tâm)																															
	Tổng diện tích miền TLP																															
	- Vụ Đông Xuân																															
IV	Mức thu TLP (1 000 đồng)																															
	- Vụ Đông Xuân																															
	- Vụ Hè Thu																															
V	Tổng TLP miễn thu (trị đ)																															
	- Vụ Đông Xuân																															
	- Vụ Hè Thu																															
VI	Tổ chức HT dung nước																															
	Tổng diện tích miền TLP																															
	- Vụ Đông Xuân																															
VII	Mức thu TLP (1 000 đồng)																															
	- Vụ Đông Xuân																															
	- Vụ Hè Thu																															
VIII	Tổng TLP miễn thu (trị đ)																															
	- Vụ Đông Xuân																															
	- Vụ Hè Thu																															

* GHI CHÚ:

- * Giải thích cách tính diện tích: mức thu đối với lúa, mạ màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, hoa và dược liệu, muối, nuôi trồng thủy sản
- * Kèm theo quyết định của UBND tỉnh phê duyệt diện tích miễn thu lợi phí, biện pháp tưới tiêu, mức thu thủy lợi phí
- * Kèm theo Quyết định phê duyệt của UBND quyết toàn kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí hai năm trước năm xây dựng dự toán
- * Diện tích, kinh phí nuôi trồng thủy sản, muối ghi đậm vào cột để liên theo đó

Biểu tổng hợp dự toán kinh phí miễn thủy lợi phí năm ...

(Kèm theo công văn số ngày tháng năm 2013 của UBND tỉnh, thành phố)

TT	Khoản mục	Tổng số		Biện pháp Động lực			Biện pháp trọng lực			Kết hợp DL và TL			Biện pháp khác		
		Diện tích miễn (ha)	Tiền (tr.đ)	Diện tích miễn (ha)	Mức bù (1000 đ)	Tiền (tr.đ)	Diện tích miễn (ha)	Mức bù (1000 đ)	Tiền (tr.đ)	Diện tích miễn (ha)	Mức bù (1000 đ)	Tiền (tr.đ)	Diện tích miễn (ha)	Mức bù (1000 đ)	Tiền (tr.đ)
	1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13	14	15=13x14
A	Công ty KTCTTLợi (*)														
1	Tưới tiêu cây lúa														
	Chủ đồng														
	Chủ đồng 1 phần														
	Tạo nguồn trọng lực														
	Tạo nguồn động lực														
	Lợi dụng thủy triều														
2	Ma, rau, màu, cây CN ngắn ngày và cây vụ đông														
3	Lâm nghiệp, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu														
4	Thủy sản														
5	Làm muối														
B	Tổ chức hợp tác dùng nước (**)														
1	Tưới tiêu cây lúa														
	Chủ đồng														
	Chủ đồng 1 phần														
	Tạo nguồn trọng lực														
	Tạo nguồn động lực														
	Lợi dụng thủy triều														
2	Ma, rau, màu, cây CN ngắn ngày và cây vụ đông														
3	Lâm nghiệp, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu														
4	Thủy sản														
5	Làm muối														
C	Tổng số kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí (***)														
	Trong đó:														
	- Ngân sách Trung ương			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Đã căn đối theo QĐ số 59/2010/QĐ-TTg			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Kinh phí tăng thêm để nghị bổ sung			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Ngân sách địa phương			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Ghi chú:

- Biện pháp khác ghi rõ chủ đồng 1 phần, tạo nguồn bằng trọng lực, động lực, lợi dụng thủy triều.
- (*) Mục A bao gồm các: công ty TNHH 1 TV nhà nước sở hữu, đơn vị sự nghiệp có thu công lập.
- (**) Mục B bao gồm các: HTX, ban quản lý thủy nông, đối thủy nông...
- (***) Các cột có dấu (X) không điền số